

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2009

HƯỚNG DẪN
THỰC HIỆN MỘT SỐ ĐIỀU TRONG NỘI DUNG
QUY CHẾ ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ ÁP DỤNG TRONG NĂM
HỌC 2009-2010 CHO HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 4 (Đ4)

Căn cứ vào Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (gọi tắt là quy chế 43);

Căn cứ vào Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ở trường Đại học Điện lực ban hành theo Quyết định số 577/QĐ-ĐHDL-ĐT, ngày 11/9/2009 của Hiệu trưởng trường Đại học Điện lực;

Căn cứ vào Quyết định số 578/QĐ-ĐT ban hành ngày 11/9/2009 về việc thực hiện đào tạo theo hệ thống tín chỉ đối với hệ Đại học Đ4 của Hiệu trưởng trường Đại học Điện lực;

Nhà Trường thông báo về việc tổ chức áp dụng tạm thời trong năm học 2009-2010 quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ **đối với hệ Đại học khóa Đ4** và hướng dẫn thực hiện một số nội dung sau:

1. Tín chỉ

01 Tín chỉ bao gồm 15 giờ tín chỉ.

01 giờ tín chỉ bao gồm 1 tiết lên lớp hoặc 2 tiết thực hành, thí nghiệm; 45 giờ thực tập tại cơ sở.

Tín chỉ được sử dụng làm đơn vị để tích lũy khối lượng học tập của sinh viên. Mỗi môn học (học phần) có thời lượng tối thiểu là 02 tín chỉ và tối đa là 05 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố trong một học kỳ.

2. Đánh giá kết quả học tập của học phần

Điểm đánh giá kết quả học tập của học phần lý thuyết hoặc các học phần có cả lý thuyết và thực hành, thí nghiệm (gọi là a), bao gồm: điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần.

2.1. Điều kiện để xét tư cách dự thi kết thúc học phần: theo nguyên tắc nếu sinh viên vắng mặt trên lớp từ 30% số tiết trở lên sẽ không được dự thi kết thúc học phần và nhận điểm 0 bài thi kết thúc học phần.

2.2. Điểm quá trình (gọi là a1) theo thang điểm 10, là trung bình cộng của các điểm trong quá trình học tập của sinh viên, gồm các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên hệ số 1, các bài kiểm tra định kỳ hệ số 2, điểm làm tiểu luận, bài tập dài và thực hành, thí nghiệm nếu có. (Chú ý: Điểm làm tiểu luận và bài tập dài được tính là một bài hệ số 2. Điểm các bài thực hành, bài thí nghiệm lấy trung bình cộng được tính thành một bài hệ số 2). **Điểm quá trình a1 được làm tròn đến 1 chữ số thập phân.**

Sinh viên không có điểm quá trình hoặc có điểm quá trình là điểm 0 (a1 = 0) thì không được dự thi kết thúc học phần.

2.3. Điểm thi kết thúc học phần tính theo thang điểm 10 (gọi là a2), **được làm tròn đến 1 chữ số thập phân.**

Sinh viên không được dự thi kết thúc học phần do chưa đóng đủ học phí hoặc bỏ thi không có lý do chính đáng thì phải nhận điểm không: ($a_2 = 0$).

2.4. Điểm trung bình chung học phần (a) được tính như sau:

$$a = \frac{a_1 * 3 + a_2 * 7}{10}$$

Điểm trung bình chung học phần **a làm tròn đến 1 chữ số thập phân**, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

a) Loại đạt:	A ⁺ (9,0 – 10,0)	Giỏi
	A (8,5 – 8,9)	
	B ⁺ (8,0 – 8,4)	Khá
	B (7,0 – 7,9)	
	C ⁺ (6,5 – 6,9)	Trung bình
	C (5,5 – 6,4)	
	D (4,0 – 5,4)	Trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F (dưới 4,0)	Kém

c) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I	Chưa đủ dữ liệu đánh giá.
X	Chưa nhận được kết quả thi

d) Đối với những học phần được đơn vị đào tạo cho phép chuyển điểm bảo lưu, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

2.5. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu ở trên, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F.

2.6. Điểm chưa đủ dữ liệu để đánh giá (I)

Vì những lý do chính đáng, sinh viên không thể dự kiểm tra định kỳ hoặc thi kết thúc học phần được xem xét giải quyết cho nhận điểm I (*điểm chưa đủ dữ liệu để đánh giá*).

Trước khi tổ chức các kỳ thi, kiểm tra ít nhất 5 ngày, sinh viên phải nộp đơn trình bày rõ lý do không thể dự thi (trừ những trường hợp đột xuất, bất khả kháng) cùng các giấy tờ xác nhận cần thiết cho Khoa (hoặc Bộ môn) để được xem xét. Cán bộ giảng dạy phụ trách học phần và Khoa sẽ xem xét và quyết định sinh viên có được điểm I hay không. Nếu không được chấp thuận, sinh viên sẽ bị điểm 0 cho học phần đó.

Nếu nhận điểm I, trong vòng 2 học kỳ tiếp theo, sinh viên phải đăng ký thi lại các nội dung thi, kiểm tra còn thiếu của học phần đó. Sau khi thi, điểm I sẽ được đổi thành điểm mà sinh viên đạt được. Ngược lại, qua hai kỳ, nếu sinh viên không đăng ký thi lại thì điểm I sẽ bị đổi thành điểm không (0).

2.7. Kiểm tra lại định kỳ và kiểm tra định kỳ đối với lớp ghép

Trường hợp sinh viên chưa dự kiểm tra đánh giá định kỳ có lý do chính đáng và có đủ minh chứng đúng quy định, giảng viên tổ chức kỳ kiểm tra bổ sung, thời gian tổ chức kiểm tra do giảng viên bố trí trước khi thi kết thúc học phần.

Để đánh giá chính xác điểm định kỳ, khi thực hiện kiểm tra định kỳ đối với lớp ghép giảng viên bộ môn có thể chia thành các lớp nhỏ để thực hiện kiểm tra định kỳ, mỗi tiết tăng thêm do việc chia lớp kiểm tra định kỳ tính bằng tiết giảng lý thuyết.

2.8. Trả nợ học phần

Trong trường hợp học sinh có điểm học phần là điểm Kém (điểm F) sau cả 2 kỳ thi chính và phụ thì sinh viên phải chủ động đăng ký với phòng Đào tạo để được xếp lớp học lại trong học kỳ phụ (nếu có) hoặc với khoá sau. Kinh phí học lại các học phần sinh viên đóng tại phòng Kế hoạch Tài chính theo số Tín chỉ.

Riêng với sinh viên học lại với khoá sau, yêu cầu sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra định kỳ và dự thi kết thúc học phần, không áp dụng mục 2.1 làm điều kiện để xét tư cách dự thi kết thúc học phần của sinh viên.

3. Tổ chức các kỳ thi kết thúc học phần

Mỗi học kỳ chỉ tổ chức hai kỳ thi kết thúc học phần: lần I và lần II, cách nhau từ 3 đến 5 tuần.

Trong mỗi kỳ thi, từng học phần được tổ chức thi riêng biệt, không bố trí thi ghép một số học phần trong cùng một buổi thi của một sinh viên.

Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của môn học đó, ít nhất là nửa ngày cho mỗi tín chỉ.

Đề thi kết thúc học phần được xây dựng có nội dung phù hợp với đề cương học phần đã công bố. Đề thi kết thúc học phần phải được trưởng khoa hoặc trưởng bộ môn duyệt.

Việc tổ chức thi, xử lý vi phạm kỷ luật thi, chấm thi kết thúc học phần được thực hiện theo Quy chế hiện hành.

Đối với các học phần tổ chức thi theo hình thức vấn đáp, kết quả thi kết thúc học phần phải được giảng viên thông báo ngay cho sinh viên sau khi kết thúc buổi thi. Đối với các học phần còn lại, kết quả thi kết thúc học phần được thông báo công khai đến từng sinh viên chậm nhất là 15 ngày sau mỗi kỳ thi.

Các khoa, bộ môn lưu trữ bài thi viết kết thúc học phần, bài tiểu luận, bài tập lớn của học phần do khoa giảng dạy ít nhất là hai năm kể từ ngày thi hoặc ngày nộp tiểu luận, bài tập lớn.

Điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải lưu tại văn phòng khoa ít nhất sau 2 năm kể từ khi kết thúc khoá học.

Các điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của trường dưới dạng file điện tử và văn bản giấy. Một bản giấy lưu tại khoa; một bản giấy gửi về phòng đào tạo của trường cùng với file điện tử, chậm nhất một tuần sau ngày thi học phần.

4. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy

Việc tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy do chuyên viên phòng Đào tạo thực hiện trên phần mềm quản lý đào tạo.

Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần được quy đổi qua điểm số, **làm tròn đến 1 số thập phân** như sau:

A ⁺	tương ứng với 4,0
A	tương ứng với 3,7
B ⁺	tương ứng với 3,5
B	tương ứng với 3,0
C ⁺	tương ứng với 2,5
C	tương ứng với 2,0
D	tương ứng với 1,0
F	tương ứng với 0,0

Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy của mỗi học kỳ hay của năm học, khóa học được **làm tròn đến 2 số thập phân**. Công thức tính như sau:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^N a_i \cdot n_i}{\sum_{i=1}^N n_i}$$

Trong đó:

- A là điểm trung bình chung

- a_i là điểm môn học của học phần thứ i
- n_i là số tín chỉ của học phần thứ i
- N là tổng số học phần.

Không tính kết quả thi các môn học Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất vào điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy. Việc đánh giá kết quả và điều kiện cấp chứng chỉ đối với các môn học này theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điểm trung bình chung học tập sau từng học kỳ, từng năm học dùng để xét học bổng, khen thưởng, được tính trên kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất.

5. Xếp loại kết quả học tập

a. Loại đạt xếp loại

- Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;
- Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;
- Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;
- Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

b. Loại không đạt xếp loại: Dưới 2,00

6. Công bố kết quả học tập

Kết thúc mỗi kỳ học Phòng Đào tạo sẽ công bố kết quả học tập của sinh viên trên Website và tại bảng tin của trường. Sinh viên phải tự quan tâm xem kết quả học tập của mình. Nếu có thắc mắc khiếu nại phải liên hệ ngay với các khoa hoặc phòng đào tạo để kịp thời giải quyết. Sau 30 ngày kể từ ngày công bố thì kết quả này sẽ lấy làm kết quả chính thức. Mọi khiếu nại sau đó sẽ không còn giá trị.

Hiệu trưởng nhà trường yêu cầu lãnh đạo các đơn vị trong Trường thực hiện thống nhất theo hướng dẫn, trong quá trình thực hiện có vấn đề gì phát sinh, vướng mắc báo cáo với Hiệu trưởng để xem xét điều chỉnh.

Văn bản này có hiệu lực từ ngày ký và chỉ áp dụng cho Hệ Đại học Đ4.

Nơi nhận:

- BGH;
- Các Khoa, Xưởng, Bộ môn
- Các Phòng, Ban
- Các lớp Hệ Đại học Đ4.
- Lưu VT, ĐT

K/T HIỆU TRƯỞNG
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG
 TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
 EPU
 Nguyễn Văn Hiếu